

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2020/DS-PT.

Ngày: 16/12/2020.

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và hợp đồng góp hụi.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Huỳnh Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 518/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 514/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn TH, sinh năm 1992.

*Địa chỉ:* Ấp GCM, xã K, huyện VH, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Bà Ngô T Đ, sinh năm 1978 (Tên gọi khác: Y, N, H).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hiếu H, sinh năm 1970.

*Cùng địa chỉ:* Ấp GCM, xã K, huyện VH, tỉnh Long An.

*4. Người kháng cáo:* ông Nguyễn Hiếu H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn TH trình bày như sau:*

Ngày 26/7/2019 (al) dương lịch là ngày 26/8/2019, bà Đ có vay của bà TH 200.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 03 tháng sau trả. Việc vay tiền hai bên không lập biên nhận. Bà TH có nhận lãi từ bà Đ được 06 tháng (từ tháng 9/2019 đến tháng 02/2020) là 36.000.000 đồng. Từ tháng 3 năm 2020 (dl) cho đến nay bà Đ không đóng lãi cho bà TH, bà TH có đòi nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền gốc và lãi nhưng bà Đ hạn nhiều lần mà không trả.

Ngày 26/8/2019 (al), dương lịch là ngày 12/10/2019 bà Đ có vay tiếp của bà TH số tiền 60.000.000đồng, với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hạn 03 tháng sau trả lại cho bà TH, bà Đ có viết giấy nhận nợ lần này và xác nhận có nợ số tiền vay trước là 200.000.000 đồng trong cùng một biên nhận và ký tên, 01 tuần sau bà Đ có trả cho bà TH 60.000.000đồng tiền gốc của lần vay sau và bà TH không nhận tiền lãi nào từ bà Đ của khoản vay 60.000.000đồng. Do đó bà Đ chỉ còn nợ lại bà TH 200.000.000 đồng.

Ngày 15/3/2020 (dl), bà Đ có mở dây hụi ngày 100.000đồng do bà Đ làm chủ thảo, có 51 người chơi, bà TH tham gia 10 phần, dây hụi này bà TH không được nhận danh sách hụi, do tin tưởng bà Đ vì trước đó bà TH cũng từng chơi hụi ngày với bà Đ. Dây hụi này thỏa thuận cách thức chơi là ai muốn hốt thì báo bà Đ biết trước 01 ngày, nếu ngày đó nhiều người muốn hốt thì là bà Đ hạn từng người sẽ được hốt, ai hốt rồi thì mỗi ngày đóng 100.000đồng, ai chưa hốt thì cứ 05 ngày đầu mỗi ngày đóng 90.000đồng. Bà TH chơi 10 phần và 05 ngày đầu mỗi ngày đóng 900.000đồng là 4.500.000đồng, ngày thứ 6 trở đi mỗi ngày đóng 950.000đồng. Đến ngày khai thứ 15, bà TH yêu cầu được hốt hụi thì bà Đ nói có nhiều người muốn hốt nên đề nghị bà để vài ngày sau sẽ được hốt. Đến ngày mở hụi thứ 21 thì bà Đ nói ngưng hụi lý do dịch covid, bà TH đã đóng cho bà Đ 15 ngày tiếp theo mỗi ngày đóng 950.000đồng, 15 ngày là đóng được 14.250.000đồng, sau đó bà Đ bỏ đi. Do đó, dây hụi nói trên bà TH đã đóng cho bà Đ tổng số tiền hụi là 18.750.000đồng.

Bà TH yêu cầu bà Đ và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc còn thiếu là 200.000.000đồng và 18.750.000đồng tiền hụi. Không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà TH đồng ý điều chỉnh lại tiền lãi đã nhận theo quy định của pháp luật, đối với tiền lãi nhận thừa bà TH đồng ý trừ vào tiền gốc. Cụ thể, tiền lãi bà TH đã nhận trong 06 tháng là:  $200.000.000\text{đồng} \times 3\% \times 06\text{ tháng} = 36.000.000\text{đồng}$ . Được điều chỉnh lại với mức lãi suất là 0,83%/tháng là  $200.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 06\text{ tháng} = 9.960.000\text{đồng}$ . Số tiền lãi nhận thừa là  $36.000.000\text{đồng} - 9.960.000\text{đồng} = 26.040.000\text{đồng}$ . Số tiền vay gốc bà TH yêu cầu bà Đ và ông H trả là:  $200.000.000\text{đồng} - 26.040.000\text{đồng} = 173.960.000\text{đồng}$ . Đối với tiền hụi, bà TH giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

*Bị đơn bà Ngô T Đ trình bày:* Bà Đ thừa nhận có vay và còn thiếu bà TH số tiền vay gốc là 200.000.000đồng, thừa nhận thiếu tiền hụi gốc bà TH đã đóng

cho bà 18.750.000đồng. Về tiền lãi, bà Đ cho rằng đã đóng cho bà TH cách thức trả lãi theo từng ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng, thời gian đóng từ tháng 7 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020. Số tiền lãi thực đóng là 96.000.000 đồng. Việc vay tiền và trả tiền lãi bà đều không có lập biên nhận. Đến thời điểm bà vay số tiền 60.000.000đồng sau này, bà Đ mới viết giấy có mượn bà TH tiền cũ là 200.000.000đồng. Bà Đ không nhớ chính xác ngày vay số tiền 200.000.000đồng của bà TH nhưng chỉ biết vay đã lâu.

Bà Đ cho rằng bà vay tiền bà TH mục đích để choàng hụi cho các thành viên chơi mà không đóng hụi lại cho bà. Bà Đ tổ chức chơi hụi cách nay khoảng 03 đến 04 năm tổng cộng khoảng 10 dây hụi. Việc bà vay tiền của bà TH chồng bà là ông H không biết. Việc bà tổ chức chơi hụi ông H có biết nhưng ông H không đồng ý cho bà tổ chức chơi hụi. Bà và ông H vẫn sống chung với nhau, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì vợ chồng cùng có trách nhiệm chung.

Nay bà TH yêu cầu bà trả số tiền vay 200.000.000đồng và tiền hụi 18.750.000đồng thì bà Đ thừa nhận và đồng ý trả nhưng bà Đ xin bà TH bớt vì bà đã đóng tiền lãi cho bà TH trước đây một số tiền khá nhiều. Bà Đ yêu cầu được điều chỉnh tiền lãi đã đóng cho bà TH theo mức lãi suất pháp luật quy định và xin một mình bà trả, không buộc ông H liên đới.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H trình bày:*

Ông H là chồng bà Đ, có đăng ký kết hôn. Ông và bà Đ vẫn đang sống chung nhà với nhau, vợ ông vay tiền của bà TH về làm gì ông không biết và cũng không nói với ông. Khi bà Đ bỏ nhà đi, bà TH xuống nhà nói bà Đ vay tiền thì ông mới biết. Nay bà TH yêu cầu ông cùng vợ ông trả số nợ 200.000.000 đồng tiền vay và 18.750.000đồng tiền hụi mặc dù ông không biết gì về số nợ này nhưng do vợ ông vay mượn trong thời kỳ hôn nhân nên nếu bà TH tính lại số tiền lãi đã nhận thì ông sẽ xem xét đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng vợ ông trả nợ cho bà TH, còn nếu như số tiền lãi đã đóng không điều chỉnh lại ở mức hợp lý thì ông không đồng ý trả.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn TH về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H.

1.1. Buộc bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn TH 173.960.000 (một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền vay và 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền hụi.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H kháng cáo không đồng ý cùng bà Ngô T Đ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn TH.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Bà Nguyễn TH trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H.

Ông Nguyễn Hiếu H trình bày nội dung kháng cáo: Bà Đ là vợ của ông, vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, ông biết bà Đ vay tiền và tham gia hụi với bà TH, nhưng ông không sử dụng tiền vay và tiền hụi nên ông không đồng ý liên đới trả nợ.

Bà Ngô T Đ trình bày: Bà thừa nhận còn nợ bà TH số tiền vay là 173.960.000 đồng và tiền hụi là 18.750.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà TH toàn bộ số tiền nợ này, đề nghị không buộc ông H liên đới trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông H hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H thấy rằng: Bà Đ và ông H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Hưng vào năm 2002, thời điểm bà Đ vay tiền, chơi hụi hai vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, hơn nữa bà Đ trình bày việc vay tiền để choàng hụi và làm thảo hụi nhằm có tiền hoa hồng phục vụ các nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà

Đ trả số tiền nợ vay và nợ hui cho bà TH. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H được thực hiện đúng thời hạn theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn TH tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui với bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp gúi giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hiếu H, thấy rằng:

[3.1] Bà Đ thừa nhận còn nợ bà TH số tiền vay là 173.960.000đồng và tiền hui là 18.750.000đồng, bà Đ đồng ý trả cho bà TH toàn bộ số tiền nợ này nhưng xin trả một mình. Xét thấy ông H kháng cáo không đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ cùng với bà Đ thấy rằng bà Đ và ông H là vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ thừa nhận mục đích bà Đ vay tiền là để choàng tiền hui, làm thảo hui sinh lời để trả nợ, lãi phát sinh bà Đ dùng chi tiêu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu trong gia đình. Bà Đ thừa nhận khi bà vay tiền và tham gia chơi hui thì ông H biết và vợ chồng hiện tại vẫn sống chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H xác định có biết bà Đ làm thảo hui, nhưng ông không biết việc bà vay tiền của bà TH để làm gì. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm ông H trình bày nêu bà TH yêu cầu ông H cùng bà Đ liên đới trả số tiền vay 200.000.000đồng và tiền hui 18.750.000đồng mặc dù ông không biết nhưng do vợ ông vay tiền trong thời kỳ hôn nhân nên nếu bà TH tính lại số tiền lãi đã nhận thì ông sẽ xem xét đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng vợ ông trả nợ cho bà TH, còn nếu như số tiền lãi đã đóng không điều chỉnh lại theo mức hợp lý thì ông không đồng ý trả. Đối với số tiền vay Tòa án cấp sơ thẩm đã điều chỉnh lại lãi suất theo quy định và khấu trừ vào số tiền vay gốc.

[3.2] Từ những căn cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ cho bà TH là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không chấp nhận cầu kháng cáo của ông H.

[3.3] Đề nghị của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn TH về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi” với bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H.**

1.1. Buộc bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn TH 173.960.000 đồng tiền vay và 18.750.000 đồng tiền hui.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Ngô T Đ và ông Nguyễn Hiếu H có nghĩa vụ liên đới nộp 9.636.000 đồng.

2.2. Hoàn trả cho Nguyễn TH 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà TH đã nộp theo biên lai thu số 0002561 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng

**3. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Nguyễn Hiếu H phải chịu 300.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002727 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5. Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**